TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 3 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2023/HNGĐ-ST.
Ngày: 31/3/2023.
V/v "Ly hôn".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 3, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Tuấn.
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Bà Đặng Thị Ngọc Hằng.
2. Bà Nguyễn Thị Xuyến.

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Nhật Vi Phượng – Thư ký Tòa án nhân dân Quận 3 Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 3 tham gia phiên tòa: Bà Lê Mộng Điệp – Kiểm sát viên.

Vào lúc 08 giờ 30 phút ngày 31 tháng 3 năm 2023, tại phòng xử án, Tòa án nhân dân Quận 3 Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 588/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 11 năm 2021 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/2023/QĐXXST-DS ngày 23 tháng 02 năm 2023, Quyết định hoãn phiên tòa số 10/2023/QĐST-HPT ngày 13 tháng 3 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Kim X. Sinh năm 1981.
Địa chỉ: 256/8/1 P, phường S, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.
2. Bị đơn: Ông Nguyễn Văn S. Sinh năm 1958.
Địa chỉ: 256/8/1 P, phường S, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.
(bà X có mặt; ông S vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Bà Nguyễn Thị Kim X và ông Nguyễn Văn S có tự nguyện đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 73/2015, quyển số 01/2015 do Ủy ban nhân dân Phường 8, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 06/8/2015. Quá trình sống chung, ông bà không có con chung.

Theo đơn khởi kiện ngày 09 tháng 11 năm 2021 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim X trình bày:

Cuộc sống vợ chồng ngay từ đầu đã không hạnh phúc, thường mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống. Chung sống với nhau được 6 tháng thì ông S tự bỏ nhà đi cho đến nay. Từ lúc bỏ đi cho đến nay ông Sơn không có liên lạc gì với

bà X chứng tỏ ông S không còn tình cảm với bà X nữa. Nên bà X làm đơn đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn để sớm ổn định được cuộc sống.

- Về con chung: Không có.
- Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.
- Về nợ chung: Không có.

Ông S không tham gia tố tụng trong vụ án dù đã được Tòa án tống đạt văn bản tố tụng theo quy định pháp luật.

Tòa án đã tiến hành hòa giải đoàn tụ gia đình nhưng không tiến hành hòa giải được vì ông S không tham gia tố tụng trong vụ án.

Tại phiên toà sơ thẩm:

- Bà X vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn.
- Ông S vắng mặt.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 3 phát biểu ý kiến:

+ Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã tuân theo đúng các quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự; bà Xuân đã chấp hành đúng quy định pháp luật; ông S không tham gia tố tụng trong vụ án.

+ Về nội dung vụ án: đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của bà X vì có cơ sở; ông Sơn không có lời khai nên không giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận, Hội đồng xét xử nhận định:

Xét bà Xuân và ông S tự nguyện đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 73/2015, quyển số 01/2015 do Ủy ban nhân dân Phường 8, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 06/8/2015. Nay bà X có yêu cầu ly hôn với ông S là thuộc trường hợp ly hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Xét ông S có nơi cư cuối cùng tại Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Căn cứ khoản 1, Điều 28; điểm a, khoản 1, Điều 35; điểm a, khoản 1, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

Xét Tòa án đã triệu tập hợp lệ lần thứ 02 đối với ông S để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng ông S vắng mặt nên vụ án không tiến hành hòa giải được và vụ án được đưa ra xét xử theo quy định tại khoản 1, Điều 207 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Xét Tòa án đã đã triệu tập hợp lệ lần thứ 02 đối với ông Sơn để tham gia phiên tòa xét xử sơ thẩm nhưng ông Sơn vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông S theo quy định tại điểm b, khoản 2, Điều 227 và khoản 3, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Ngày 18/7/2022, Tòa án đã ban hành Quyết định thông báo tìm kiếm người vắng mặt tại nơi cư trú số 40/2022/QĐ-TA để tìm kiếm ông S nhưng không có kết quả.

Xét yêu cầu của bà Xuân, Hội đồng xét xử nhận thấy:

1. Về yêu cầu ly hôn:

Căn cứ vào lời khai của bà X và chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử đủ cơ sở kết luận: bà X và ông S có tự nguyện đăng ký kết hôn và có mối quan hệ hôn nhân hợp pháp. Tuy nhiên giữa hai bên sớm phát sinh mâu thuẫn và ông S đã bỏ nhà đi cho đến nay. Từ lúc bỏ đi ông S không có liên lạc gì với bà X chứng tỏ ông S không còn tình cảm với bà X nữa.

Xét bà X, ông S đã không còn chung sống, không còn quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, ông S tự ý bỏ nhà đi thể hiện ông S không còn tha thiết với cuộc sống chung vợ chồng. Căn cứ khoản 1, Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình, xác định tình trạng mâu thuẫn giữa bà X, ông S đã trầm trọng, đời sống chung đã thực sự tan vỡ, không còn khả năng hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó yêu cầu ly hôn của bà X có căn cứ nên được chấp nhận.

2. Về con chung: Không có.

3. Về tài sản chung: Bà X không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

Như đã phân tích, xét yêu cầu của bà X và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 3 tại phiên tòa sơ thẩm có cơ sở và phù hợp với quy định pháp luật nên được chấp nhận; xét ông S không có lời khai nên Hội đồng xét xử không xét.

4. Về án phí: Căn cứ khoản 4, Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội thì bà X phải nộp toàn bộ án phí ly hôn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH :

Áp dụng khoản 1, Điều 28; điểm a, khoản 1, Điều 35; điểm a, khoản 1, Điều 39; khoản 1, Điều 207; điểm b, khoản 2, Điều 227; khoản 3, Điều 228 và khoản 1, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng khoản 1, Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Áp dụng khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Áp dụng Luật Thi hành án dân sự.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Kim X:

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Kim X được ly hôn với ông Nguyễn Văn S.

2. Về con chung: Không có.

3. Về tài sản chung: Không giải quyết.

4. Về án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng, bà Nguyễn Thị Kim X phải nộp toàn bộ nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng theo biên lai số 0006587 ngày 09/11/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 3. Bà Nguyễn Thị Kim X đã nộp đủ án phí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5. Về quyền kháng cáo:

- Bà Nguyễn Thị Kim X được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

- Ông Nguyễn Văn S được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND Tp.HCM;
- VKSND Q.3;
- Chi cục THA dân sự Q.3;
- UBND P.Võ Thị Sáu, Q.3;
- Các đương sự;
- Lưu: Vp, hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Phạm Văn Tuấn